

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 26-4-2024

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững

Ông Nguyễn Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Kiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh T, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; nghề N làm ruộng và mua bán; trình độ văn hóa 09/12; con ông Bùi Văn H, sinh năm: 1941 (đã chết) và bà Trần Thị V, sinh năm: 1948 (còn sống); gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; vợ tên Trang Kim Ngân N, sinh năm: 1976; con, có hai người con, nhỏ nhất sinh năm 2002, lớn nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bùi Văn N, sinh năm: 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã ML, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn N là Luật sư Nguyễn Lộc Duy K - Công ty Luật TNHH MTV Đại Cồ Việt thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thụy Ngọc H, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã A, thành phố M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Bùi Thụy Ngọc D, sinh năm 1983 (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

3. Chị Bùi Thụy Ngọc N, sinh năm 1985. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: phường Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị Bùi Thụy Ngọc T, sinh năm 1989. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

5. Anh Bùi Nhật H, sinh năm 1993. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: ấp 3, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Bùi Văn N, sinh năm 1979. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: ấp 2, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Đình T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 4, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Lý Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 4, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 4, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Lê Chí L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

7. Anh Bùi Minh K, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Bùi Thanh T và ông Bùi Văn N là họ hàng với nhau. Từ năm 1999, ông N mua bộ khung sườn nhà bằng gỗ thao lao của ông Bùi Văn Muốn (có từ khoảng năm 1978) để cải tạo, xây dựng thành nhà ở trên thửa đất số 406, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, liền ranh với phần đất của Bùi Thanh T. Đến năm 2001, ông N tiếp tục cải tạo căn nhà này và ở đây được một thời gian rồi chuyển đến nơi khác sinh sống. Căn nhà bỏ hoang trong khoảng 10 năm, dần xuống cấp, đến trước thời điểm xảy ra vụ án hiện trạng căn nhà liền trước thời điểm bị tháo dỡ là nhà cấp 4, khung gỗ, mái tole, nền bị sụt lún ở một số nơi, vách tường phía giáp ranh với phần đất của T bị đổ ngã một phần, các vách còn lại bằng gỗ bị mục nát do mối mọt, cột hiên và cột hàng nhì bằng bê tông cốt thép hơi nghiêng về sau, một số cột gỗ bị mục nát không còn nguyên vẹn. Dù vậy, vẫn không thể đổ ngã do tự nhiên và việc khắc phục trong tình thế đó bằng cách tháo dỡ không phải là biện pháp duy nhất, sau cùng.

Khoảng tháng 7 năm 2023, bị cáo Bùi Thanh T xây dựng nhà mới, cách căn nhà của ông N khoảng 15m. Đến ngày 03-8-2023, mặc dù chưa có sự đồng ý của ông N, bị cáo T đã tự ý thuê anh Nguyễn Văn Việt và Bùi Văn Nhớ đến tháo dỡ căn nhà của ông N vì cho rằng có nguy cơ đổ sập. Nhận lời bị cáo T, anh Việt và Nhớ leo lên mái nhà gỗ hoàn toàn tole và khung sườn nhà rồi chất gọn vật liệu còn lại trên nền nhà. Sự việc sau đó được ông N phát hiện, trình báo đến công an xã A.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/KLĐG ngày 24-11-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tháp Mười kết luận:

- Đối tượng định giá là căn nhà cấp 4 có kết cấu là khung gỗ thao lao (nhóm 3) đã qua sử dụng; cột hiên và cột hàng nhì bằng bê tông cốt thép; cửa Pano sắt (vỡ toàn bộ kính); mái tole sóng vuông, đòn tay gỗ tạp; vách gỗ tạp, một bên vách xây tường gạch; nền gạch tàu, xây bó nền cao 0,5m.

- Giá trị căn nhà tại thời điểm bị hủy hoại (liền trước thời điểm bị tháo dỡ) là: 7.052.000 đồng.

- Giá trị còn lại sau khi bị tháo dỡ tạm tính (khối lượng phế liệu) là 2.050.000 đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng sau đây:

- 01 đĩa DVD-R chứa 16 file hình ảnh và 09 hình ảnh ghi nhận hiện trạng căn nhà trước khi bị tháo dỡ do anh Bùi Minh Kha cung cấp.

- 01 đĩa DVD-R chứa 07 file hình ảnh và 07 hình ảnh ghi nhận hiện trạng căn nhà trước khi bị tháo dỡ do Bùi Thanh T cung cấp.

- 28 hình ảnh ghi nhận hiện trạng căn nhà căn nhà trước, trong và sau khi bị tháo dỡ do chị Bùi Thị Ngọc H cung cấp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn N yêu cầu bồi thường chi phí xây

mới căn nhà là 200.000.000 đồng và tổn thất về tinh thần 20.000.000 đồng. Bị cáo Bùi Thanh T chấp nhận và bồi thường xong theo yêu cầu của bị hại vào ngày 25-3-2024. Trước đó, bị cáo đã tự nguyện nộp 7.052.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến nay, bị cáo Bùi Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Hủy hoại tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đã phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi pH tích hành vi phạm tội, căn cứ NH TH và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

+ Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong và bị cáo Bùi Thanh T được nhận lại số tiền 7.052.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (Theo biên lai số 1060 lập ngày 08-3-2024).

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5, Điều 178 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt tiền bị cáo Bùi Thanh T, với số tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu) đồng đến 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Lưu hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD và hình ảnh thể hiện tình trạng căn nhà trước, trong và sau khi bị tháo dỡ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn N là Luật sư Nguyễn Lộc Duy Khánh - Công ty Luật TNHH MTV Đại Cồ Việt thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang trình bày tranh luận: Thống nhất theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo T có lời xin lỗi đối với bị hại là ông N và bị hại là ông N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

(có mặt tại tòa) đồng ý xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Đồng thời, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có đơn) và những người làm chứng. Xét thấy, đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt có đơn) những người làm chứng vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thanh T khai, vì tự nhận định căn nhà của ông Bùi Văn N cất trên phần đất giáp ranh, gần với căn nhà đang thi công của mình có thể đổ ngã gây nguy hiểm, bị cáo đã thuê Nguyễn Văn Việt và Bùi Văn Nhớ tháo dỡ căn nhà này dù không có sự đồng ý của chủ sở hữu là ông Bùi Văn N, gây thiệt hại 7.052.000 đồng. Vụ án xảy ra ngày 03/8/2023 tại ấp 3, xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Hủy hoại tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

Tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định:

1. *Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng*

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”.

[5] Xét thấy, bị cáo Bùi Thanh T đã thuê anh Nguyễn Văn Việt và Bùi Văn Nhó tháo dỡ căn nhà này dù không có sự đồng ý của chủ sở hữu là ông Bùi Văn N, gây thiệt hại 7.052.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự ở địa phương.

[6] Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Không

[8] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo có bà nội tên Nguyễn Thị Liêng là người có công với cách mạng, theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đồng thời, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự; và nhằm thể hiện bản chất NH đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[09] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự, xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Bùi Thanh T.

[10] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát NH dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, riêng về phần mức án phạt tù, Hội đồng xét xử sẽ xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ, cũng như tình tiết giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án này để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong và bị cáo Bùi Thanh T được nhận lại số tiền 7.052.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (Theo biên lai số 1060 lập ngày 08-3-2024).

[12] Về vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối với Nguyễn Văn Việt và Bùi Văn Nhó là người làm công, tại thời điểm bị cáo T thuê tháo dỡ nhà, không biết việc bị cáo chưa có sự đồng ý của ông N. Do đó, không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Việt và anh Nhó.

[14] Về án phí: Bị cáo Bùi Thanh T bị kết tội; bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường

hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T 01 (Một) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2024).

Giao bị cáo Bùi Thanh T cho Ủy ban nH dân xã A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự. Xử phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đối với bị cáo Bùi Thanh T, buộc bị cáo Bùi Thanh T phải nộp để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong và bị cáo Bùi Thanh T được nhận lại số tiền 7.052.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (Theo biên lai số 1060 lập ngày 08-3-2024).

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử: Lưu hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD và hình ảnh thể hiện tình trạng căn nhà trước, trong và sau khi bị tháo dỡ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Bùi Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Đạt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Ngọc